

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1053/TTr-SNN ngày 13/4/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

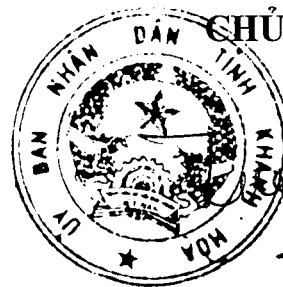
Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Trồng trọt thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã được công bố tại Quyết định số 402/QĐ-UBND ngày 21/02/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

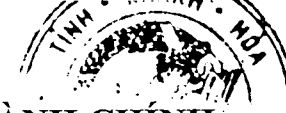
Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC, Văn phòng Chính phủ;
- TT.HĐND tỉnh; Ban PC HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm CNTT và DVHCCTT tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng KSTTHC, HTh.



CHỦ TỊCH
Nguyễn Tấn Tuân



**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 954/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

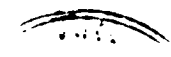
I. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT

1. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa: Mã số TTHC: 1.008004, có 01 quy trình, thời gian giải quyết:

- 03 ngày làm việc đối với trường hợp yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (TH1);
- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Bản đăng ký chuyển đổi hợp lệ và phù hợp (TH2);
- 05 ngày làm việc đối với trường hợp không đồng ý chuyển đổi (TH3).

| Cơ quan, đơn vị | Bước thực hiện | Tên bước thực hiện | Trách nhiệm thực hiện | Nội dung công việc | Biểu mẫu/Kết quả | Thời gian (ngày) | Ghi chú |
|------------------------|-----------------------|---------------------------|----------------------------------|--|--|-------------------------|----------------|
| UBND cấp xã | Bước 1 | Tiếp nhận hồ sơ | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả | Xem xét kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận hồ sơ, in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, chuyển bước tiếp theo. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác: Công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để công dân/tổ chức bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và kết thúc quy trình. - Trường hợp hồ sơ không đúng quy định: lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ và kết thúc quy trình. | - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (<i>Mẫu số 01-Phụ lục kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>); - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (<i>Mẫu số 02-Phụ lục kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>); - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (<i>Mẫu số 03-Phụ lục kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP</i>); - Hồ sơ TTHC của công dân/tổ chức. | 0,5 ngày | |

| | | | | | | |
|---------------|--------------------|----------------------|--|--|---------------|--|
| Bước 2 | Thẩm định hồ sơ | Công chức chuyên môn | TH1: Trường hợp bản đăng ký chuyển đổi không hợp lệ, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung bản đăng ký. | TH1: Dự thảo Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02-Phụ lục kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP) | TH1: 1,5 ngày | Dừng tính cho đến khi nhận hồ sơ bổ sung |
| | | | TH2: Trường hợp đạt yêu cầu: Trình lãnh đạo UBND cấp xã xác nhận vào Bản đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa. | TH2: Trình lãnh đạo UBND cấp xã xác nhận vào Bản đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa. | TH2: 3,5 ngày | |
| | | | TH3: Trường hợp không đạt yêu cầu: Dự thảo văn bản trả lời. | TH3: Dự thảo văn bản không đồng ý, nêu rõ lý do (Mẫu số 05.CĐ Phụ lục X kèm theo Nghị định số 94/2019/NĐ-CP) | TH3: 3,5 ngày | |
| Bước 3 | Xem xét, phê duyệt | Lãnh đạo UBND cấp xã | TH1, TH2, TH3. Ký duyệt văn bản | TH1: Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02-Phụ lục kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP). | TH1: 01 ngày | |
| | | | | TH2: Xác nhận của UBND cấp xã vào Bản đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa. | TH2: 01 ngày | |
| | | | | TH3: Văn bản không đồng ý, nêu rõ lý do (Mẫu số 05.CĐ Phụ lục X kèm theo Nghị định số 94/2019/NĐ-CP). | TH3: 01 ngày | |
| Bước 4 | Trả kết quả | Văn thư, Bộ phận | - Vào sổ đóng dấu; - Trả kết quả. | - TH1: Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02- | | |



| | | | | | | | |
|---|--|--|--------------------------------|--|---|--|--|
| | | | tiếp nhận và trả kết quả | | <i>Phụ lục kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).</i> - TH2: Xác nhận của UBND cấp xã vào Bản đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa. - TH3: Văn bản không đồng ý, nêu rõ lý do (<i>Mẫu số 05.CĐ Phụ lục X kèm theo Nghị định số 94/2019/NĐ-CP</i>). | | |
| <p>Hồ sơ lưu trữ tại UBND cấp xã theo quy định hiện hành</p> <p>Thành phần hồ sơ lưu:</p> <ul style="list-style-type: none">- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả- Thông báo bổ sung hồ sơ (nếu có)- Thông báo từ chối giải quyết hồ sơ (nếu có)- Xác nhận của UBND cấp xã vào Bản đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa- Toàn bộ hồ sơ của tổ chức, công dân đã nộp. | | | | | | | |